

MỤC 1: Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất**1.1. Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất**

Hình thức sản phẩm	: Chất
Tên thương mại	: Mowital® B
Tên hóa chất	: polyvinyl butyral
Tên đồng nghĩa	: B 14 S, B 16 H, B 20 H, B 30 H, B 30 HH, B 30 T, B 45 H, B 60 H, B 60 HH, B 60 T, B 75 H
Loại sản phẩm	: Polime
Số CAS	: 68648-78-2 or 63148-65-2
Mã sản phẩm	: 200002

1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng	: Sử dụng công nghiệp Temporary binder for ceramics Chất dính Lớp phủ ngoài In 3d Mực in
--------------------	---

1.3. Thông tin nhà cung cấp**Nhà sản xuất/nhà cung cấp**

Kuraray Europe GmbH
Philipp-Reis-Str. 4
65795 Hattersheim am Main
Germany
T +49 (0)69 305 35835; access code for 3E Company: 334674
product-safety@kuraray.com

Email competent person

product-safety@kuraray.com

Nhà nhập khẩu

Kuraray Asia Pacific Pte. Ltd.
331 North Bridge Road
188720 #18-02 Odeon Towers
Singapore
T +65 68677088 Ext. 201; +65 68677108
<http://kuraray.com.sg/>

1.4. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp	: +65-3158-6734 (Access Code: 334674)
-------------	---------------------------------------

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất**2.1. Phân loại theo GHS****Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT**

Không phân loại

2.2. Các yếu tố nhãn theo GHS

Không ghi nhãn

2.3. Các thông tin nguy hại khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

Tên hóa chất : polyvinyl butyral
Số CAS : 68648-78-2 or 63148-65-2

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT
polyvinyl butyral (Thành phần chính)	Số CAS: 63148-65-2	> 97,5	Không phân loại
nước (Cặn bản)	Số CAS: 7732-18-5	< 2,4	Không phân loại
butyraldehyde (Cặn bản)	Số CAS: 123-72-8	< 0,05	Flam. Liq. 2, H225 Eye Irrit. 2B, H320 Aquatic Acute 3, H402
sodium chloride (Cặn bản)	Số CAS: 7647-14-5	< 0,05	Acute Tox. 5 (Oral), H303

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

3.2. Hỗn hợp chất

Không áp dụng được

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả biện pháp sơ cứu

Sơ cứu tổng quát : Nếu có nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng kéo dài, cần phải thông báo ngay cho bác sĩ.
Contact with dust: Irritating to eyes and mucous membranes.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Rửa da lại với nhiều nước.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Rửa mắt với nước nhằm phòng tranh mọi rủi ro.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Triệu chứng/tác dụng : Có thể gây kích ứng đường hô hấp, da, mắt và niêm mạc.

4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị : Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp : Sử dụng phương tiện thích hợp cho việc dập hỏa hoạn gần kề. Màng sương nước. Bọt. Bọt khô. Cacbon đioxit.
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Không sử dụng vòi phun nước mạnh vì nó có thể làm lửa lan rộng.

5.2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Nguy cơ hỏa hoạn : Sản phẩm không dễ cháy. Sản phẩm có thể hình thành bụi và tích tụ tĩnh điện, có thể tạo ra tia lửa điện (nguồn đánh lửa). Cần tuân thủ các quy trình nối đất thích hợp để tránh tĩnh điện.
Biện pháp chung : Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Xem mục 8 về vấn đề bảo hộ cá nhân cần thực hiện.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Có thể giải phóng khói độc. Cacbon đioxit. Cacbon monoxit.

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Biện pháp chung : Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Xem mục 8 về vấn đề bảo hộ cá nhân cần thực hiện.

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Các cảnh báo về môi trường

Tránh thải ra môi trường. Environmental manager must be informed of all releases.

6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Quy trình làm sạch : Thu hồi (bằng cách quét hay xúc bằng xẻng) và cho vào bình chứa thích hợp chờ tiêu hủy. Tránh hình thành bụi. Thu gom bụi hoặc hạt nhỏ bằng máy hút bụi có bộ lọc HEPA.

Các thông tin khác : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.

MỤC 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Giảm thiểu việc tạo/giải phóng và tích tụ bụi. Tránh tạo ra hoặc phát tán bụi. Vật liệu này không được lắng đọng với số lượng lớn, đặc biệt là trên các bề mặt nằm ngang, vì từ đó vật liệu có thể bị giải phóng vào không khí, tạo thành các đám mây bụi dễ cháy và góp phần gây ra các vụ nổ thứ cấp. Bất kỳ bụi lắng đọng không thể tránh khỏi phải được loại bỏ thường xuyên. Ngăn ngừa tích tụ tĩnh điện (ví dụ: bằng cách nối đất). Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn bất lửa khác. Không hút thuốc. Cung cấp hệ thống thông gió thích hợp tại những nơi hình thành bụi. Chỉ sử dụng ở khu vực thông gió tốt. Tuân thủ các biện pháp vệ sinh công nghiệp đã được công nhận. Tránh tiếp xúc lâu dài và lặp đi lặp lại với da.

Biện pháp kỹ thuật : Cung cấp các biện pháp phòng ngừa đầy đủ, chẳng hạn như nối đất và liên kết điện, hoặc khí quyển trơ.

Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên.
Rửa tay sau mỗi lần thao tác

7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.

Chất không tương hợp : Bảo quản xa khỏi các axit mạnh và các chất oxy hoá mạnh.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

8.3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay:

Trong trường hợp có tiếp xúc lặp lại nhiều lần hoặc kéo dài, sử dụng găng tay. ISO 374-1. Việc lựa chọn găng tay phù hợp là một quyết định không chỉ tùy thuộc vào loại vật liệu mà còn tùy thuộc vào các đặc tính chất lượng khác, là những đặc tính mà trong đó có sự khác nhau giữa các nhà sản xuất. Vui lòng tham khảo các hướng dẫn về tính thấm nước và thời gian thấm thấu do nhà sản xuất cung cấp. Găng tay phải được thay sau mỗi lần sử dụng hoặc khi phát hiện bất kì hư hỏng, thủng dù rất nhỏ

Loại	Vật liệu	Quá trình thấm thấu	Độ dày (mm)	Việc thâm nhập	Tiêu chuẩn
Cao su nitril	Cao su nitril	6 (> 480 phút)	0,12		EN ISO 374

Bảo vệ mắt:

Mắt kính bảo hộ kín. ISO 16321-1

Bảo vệ da và cơ thể:

Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp. EN ISO 13688

Bảo vệ đường hô hấp:

Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp. Giải phóng bụi: mặt nạ chống bụi có lọc P2. EN 143. Phơi nhiễm không kéo dài. Thiết bị thở chỉ được sử dụng để tránh rủi ro của các công việc ngắn hạn nếu tất cả các phương pháp giảm thiểu rủi ro khác đã được tiến hành như giữ lại và/hoặc xả khí cục bộ.

Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	: Rắn
Hình dạng	: Bột.
Màu sắc	: không màu
Mùi đặc trưng	: Không mùi
Ngưỡng mùi	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
pH	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Điểm nóng chảy, Điểm đóng băng	: Điểm đóng băng: Không áp dụng được
Điểm sôi	: Không có thông tin
Điểm cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ tự cháy	: Not applicable.
Tính bất lửa (rắn, khí)	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Áp suất hóa hơi	: Áp suất hóa hơi: Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	: Tỷ lệ bốc hơi tương đối (butyl axetat=1): Không áp dụng được
Giới hạn nổ	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Đặc tính nổ	: Sản phẩm không gây nổ.
Năng lượng tối thiểu gây cháy	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Mật độ	: Mật độ tương đối: Không áp dụng riêng
Mật độ tương đối	: Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C: Không áp dụng được Mật độ khí tương đối: Không áp dụng riêng
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng được
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng được
Tính chất gây cháy	: Không oxy hóa.
Lượng VOC	: < 2,5 %
Thông tin bổ sung	: Vicat softening temperature 50 - 63 °C DIN EN ISO 306

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	: Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường
Tính ổn định	: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Các điều kiện cần tránh	: Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác. Không hút thuốc. Ngăn hoặc hạn chế việc tạo thành và phân tán bụi.
Vật liệu không tương thích	: Axit mạnh, Tác nhân oxy hoá mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Độc cấp tính

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại

polyvinyl butyral (68648-78-2 or 63148-65-2)	
Độ nhớt, động học	Không áp dụng được
(63148-65-2)	
Nghiên cứu động vật và đánh giá của chuyên gia để phân loại	Ía
nước (7732-18-5)	
Nghiên cứu động vật và đánh giá của chuyên gia để phân loại	Ía
butyraldehyde (123-72-8)	
Nghiên cứu động vật và đánh giá của chuyên gia để phân loại	Ía
sodium chloride (7647-14-5)	
Nghiên cứu động vật và đánh giá của chuyên gia để phân loại	Ía

Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : Dust may irritate the respiratory tract, skin and eyes.

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc môi trường

- Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
- Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

polyvinyl butyral (68648-78-2 or 63148-65-2)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không có thông tin.
butyraldehyde (123-72-8)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Phân hủy sinh học dễ.
Phân hủy sinh học	46 – 57 % (5 d; (phương pháp OECD 301C))
sodium chloride (7647-14-5)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không áp dụng được.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

polyvinyl butyral (68648-78-2 or 63148-65-2)	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có thông tin.
butyraldehyde (123-72-8)	
Hệ số tích lũy sinh học (BCF REACH)	Xem Mục 12 liên quan đến độ độc ³ , 162 (giá trị được tính)
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	1,3 (20 °C; pH 4,4 - 4,7; (phương pháp OECD 107))
sodium chloride (7647-14-5)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	-3

12.4. Độ linh động trong đất

polyvinyl butyral (68648-78-2 or 63148-65-2)	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung
butyraldehyde (123-72-8)	
Ứng suất bề mặt	70 mN/m (20 °C; 1 g/L; (phương pháp OECD 115))
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	1,3 (20 °C; pH 4,4 - 4,7; (phương pháp OECD 107))
sodium chloride (7647-14-5)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	-3
Sinh thái - đất	Không áp dụng được.

12.5. Các tác hại khác

- Các tác dụng có hại khác : Không có tác động bất lợi nào khác đến môi trường (ví dụ: suy giảm tầng ôzôn, khả năng tạo ôzôn quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng nóng lên toàn cầu) từ thành phần này.

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

- Phương pháp xử lý chất thải : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp. Không vứt vào cống rãnh hay vào môi trường. Không tiêu hủy chung với các chất thải sinh hoạt.
- Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì : Tái chế hay tiêu hủy theo đúng quy định hiện hành.

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

IMDG	IATA	UNRTDG
14.1 Số hiệu UN		
Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2 Công ty vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4 Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5 Nguy cơ môi trường		
Nguy hiểm cho môi trường: Không Ô nhiễm biển: Không	Nguy hiểm cho môi trường: Không	Nguy hiểm cho môi trường: Không
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Vận chuyển trong tàu lớn

Không áp dụng được

14.7. Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển

UN RTDG

Không có thông tin

IMDG

Không có thông tin

IATA

Không có thông tin

MỤC 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật hóa chất		
Việt Nam Phụ lục I: Danh Mục Hóa Chất Sản Xuất, Kinh Doanh Có Điều Kiện Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	Butyraldehit (123-72-8)
Việt Nam Phụ lục II: Danh Mục Hóa Chất Hạn Chế Sản Xuất, Kinh Doanh Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục III: Danh mục hóa chất cấm	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục IV: Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục V: Danh mục hóa chất phải khai báo	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	Butyraldehit (123-72-8)

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

Danh Sách Hóa Chất (NCI)

Danh Sách Hóa Chất (NCI)	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	
		Butyrals of vinyl acetal polymers (63148-65-2) Water (7732-18-5) Butyraldehyde (123-72-8) Sodium chloride (7647-14-5)

15.2. Các quy định quốc tế

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin cần thiết khác

Nguồn dữ liệu : Information provided by the manufacturer
Công ty : Kuraray Europe GmbH (Hattersheim am Main)
Phiên bản : 1.00
Ngày phát hành : 06/03/2023
Ngày sửa đổi : 06/03/2023

Nguồn dữ liệu : Information provided by the manufacturer.
Phân ban thực hiện phiếu kỹ thuật : KFT Chemieservice GmbH
Im Leuschnerpark 3
D-64347 Griesheim

Phone: +49 6155-8981-400
Fax: +49 6155 8981-500
SDS Service: +49 6155 8981-522

Liên hệ : Dr. Christian Rank
Tên viết tắt và rút ngắn : ADN - Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
ADR - Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
ATE - Đánh giá độc tính cao
BCF - Chỉ số nồng độ sinh học
Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói - Quy định liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và bao bì, quy định (EC) n° 1272/2008
DMEL - Liều dẫn xuất có tác dụng tối thiểu
DNEL - Liều dẫn xuất không có tác dụng
EC50 - Nồng độ trung bình gây ảnh hưởng
IARC - Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư
IATA - Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế
IMDG - Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế
LC50 - Nồng độ gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (nồng độ trung bình gây chết người)
LD50 - Liều trung bình gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (liều trung bình gây chết người)
LOAEL - Liều tối thiểu gây hại được ghi nhận
NOAEC - Nồng độ không gây hại được ghi nhận
NOAEL - Liều không gây hại được ghi nhận
NOEC - Nồng độ không gây tác dụng được ghi nhận
OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PBT - Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc
PNEC - Nồng độ Dự báo không gây hại
REACH - Việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và các hạn chế của các chất hóa học, Quy định (EC) REACH No 1907/2006
RID - Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
SDS - Phiếu An toàn Hóa chất
STP - Trạm xử lý nước thải
TLM - Dung sai giới hạn trung bình
vPvB - Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều

KFT SDS VN 01

Mowital® B

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.